

Số: 06/QĐ-TrMN

Yên Mạc, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 của Trường mầm non Yên Mạc

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ngân sách nhà nước.

- Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị, mức chi tiếp khách trong nước, chi tiếp khách nước ngoài và chi tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Yên Mô về việc giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Yên Mạc về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ vào nhiệm vụ trong năm 2026 của Trường mầm non Yên Mạc và ý kiến thống nhất về định mức chi tiêu nội bộ được thông qua cuộc họp Hội đồng sư phạm của nhà trường ngày /01/2026.

Căn cứ Điều lệ trường Mầm Non;

Xét đề nghị của các Tổ chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường mầm non Yên Mạc năm 2026”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Bộ phận hành chính, viên chức và người lao động trường mầm non Yên Mạc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng kinh tế; KBNN-PGD Số 2 khu vực V
- Như điều 3;
- Công khai tại văn phòng;
- Lưu tổ hành chính;

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Liên

QUY CHẾ
CHI TIÊU NỘI BỘ TRƯỜNG MẦM NON YÊN MẠC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TrMN ngày 20/01/2026 của hiệu trưởng
Trường mầm non Yên Mạc)

I. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG QUY CHẾ

- Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho thủ trưởng đơn vị.
- Tạo quyền chủ động cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Là căn cứ để Kho bạc nhà nước quản lý, kiểm soát thanh toán các khoản chi tiêu của đơn vị qua Kho bạc Nhà nước và để các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo dõi, kiểm tra theo quy định.
- Tăng cường các biện pháp bảo vệ, sử dụng các tài sản và dịch vụ có hiệu quả, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Thực hiện công bằng trong đơn vị, tiết kiệm chi.

II. NỘI DUNG XÂY DỰNG QUY CHẾ
CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Căn cứ xây dựng quy chế

- Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ tài chính ban hành ngày 09/8/2006;
- Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định tiêu chuẩn định mức chi và chế độ quản lý sử dụng kinh phí của Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ngân sách nhà nước.
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/BGDĐT-BNV-BTC về chế độ trả lương thêm giờ đối với nhà giáo.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14.3.2024 Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước

Căn cứ thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17.4.2024 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

- Căn cứ Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 9/12/2025 quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình. Và CV số 37/SGDĐT-TC, ngày 08/01/2026 hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình;

- Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu và quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

- Căn cứ vào Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo ;

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công;

Căn cứ thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế TCTC của ĐVSNC lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể ĐVSNC lập

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Về việc phân công đơn vị mua sắm tập trung và thời hạn đăng ký mua sắm tập trung đối với danh mục hàng hoá, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung (trừ thuốc, thiết bị y tế, vật tư y tế) thuộc phạm vi quản lý tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung (trừ thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Quyết định 652/QĐ-SGD-ĐT ngày 27/9/2022 của Sở giáo dục và đào tạo Ninh Bình về việc ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình

Căn cứ thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chứng danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Điều 2: Các nguyên tắc xây dựng và thực hiện quy chế

- Phải phù hợp với hoạt động đặc thù, khả năng ngân sách của đơn vị.
- Đảm bảo cho cán bộ giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện công khai, dân chủ, được sự thống nhất của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị.
- Quy chế được thực hiện khi đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo mức tiền lương tối thiểu chung do nhà nước quy định đối với cán bộ, giáo viên và nhân viên.
- Quy định về mua sắm cấp phát vật tư chuyên môn: Hàng năm đầu năm học các bộ phận, tổ chuyên môn lập dự trù chuyên cho kế toán tổng hợp nhu cầu trình Hiệu trưởng duyệt mua theo số lượng, trước khi mua phải có báo giá được duyệt.
- Các khoản chi khác phục vụ nhu cầu chuyên môn chưa quy định ở trên thực hiện theo quy định của nhà nước.
- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên: Phải có kế hoạch. Có dự trù chi tiết đưa ra hội nghị trước khi diễn ra hội nghị thảo luận thống nhất.
- Đảm bảo tài sản, trang thiết bị và phương tiện làm việc được sử dụng đúng mục đích
- Kiểm kê, thanh lý tài sản của cơ quan đơn vị theo kỳ, năm

Điều 3. Các nguồn tài chính

1. Ngân sách Nhà nước cấp: Kinh phí hoạt động thường xuyên.
2. Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.
 - Các loại phí, lệ phí.
 - Các khoản thu hợp pháp khác.
3. Tất cả mọi nguồn thu và chi phải chịu sự quản lý và phản ánh trên sổ sách của nhà trường. Các khoản thu, chi (nội dung và định mức thu, chi) ngoài các quy định của Nhà nước phải do Hiệu trưởng quy định. Nghiêm cấm các đơn vị bộ phận, cá nhân trong trường tự thu, tự chi riêng mà không qua quản lý và sổ sách của nhà trường.

Điều 4: Đối tượng thực hiện quy chế

Ban giám Hiệu, giáo viên, nhân viên trong đơn vị bao gồm cả trong biên chế và ngoài biên chế có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc bản quy chế này.

**CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

	Nội dung công việc	Định mức chi
1	Tiền lương	
	- Chi lương ngạch bậc	Theo quy định của Nhà nước
	- Chi lương hợp đồng NV hợp đồng 1 năm, hợp đồng năm học theo ND111	Theo quy định của Nhà nước
2	Tiền công	
	-Chi lương GV dạy thay GV nghỉ thai sản, tăng giờ..	Theo quy định của Nhà nước
	-Chi tiền công khác	Theo hợp đồng đã ký
3	Phụ cấp lương	
	- Phụ cấp chức vụ:	Theo quy định của Nhà nước
	-Phụ cấp ưu đãi nghề:	Theo quy định của Nhà nước
	-Phụ cấp thâm niên nhà giáo:	Theo quy định của Nhà nước
	-Phụ cấp ưu đãi GV dạy trẻ KT	Theo ND 28/2012/ND-CP
	-Chi bồi dưỡng cho CBGVNV làm thêm giờ, trực buổi trưa	Không quá 70.000đ/người/ngày
	-Phụ cấp trách nhiệm kế toán	Theo quy định của Nhà nước
4	Các khoản đóng góp	
	- Chi các khoản đóng góp	Theo quy định của Nhà nước

5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	
	-Hỗ trợ CPHT, ăn trưa cho HS, miễn giảm HP cho trẻ	Theo quy định của Nhà nước
	Học phí NT, MG	Theo quy định của Nhà nước
	- Tiền ăn bán trú	Không quá 35.000đ/cháu/xuất/ngày
	Tiền nước uống của trẻ:	Không quá: 15.000đ/học sinh/tháng
	Dịch vụ quản lý học sinh bán trú	Không quá: 6.000đ/học sinh/ngày
	Dịch vụ nấu ăn	Không quá: 120.000đ/hs/tháng
	Tiền vệ sinh trường lớp khu:	Không quá: 30.000đ/học sinh/tháng
	Tiền mua sắm dụng cụ đồ dùng phục vụ nấu ăn, và đồ dùng trẻ ăn bán trú	Không quá: 300.000đ/học sinh/lần
	- Thu lần đầu mới tuyển vào trường - Thu bổ sung hàng năm	Không quá: 100.000đ/học sinh/năm học
	Tiền chăm sóc bán trú	Không quá: 150.000đ/học sinh/tháng
	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày nghỉ, ngày hè.	Không quá: 40.000đ/học sinh/ngày
	Dịch vụ nước cho học sinh	Không quá: 20.000đ/học sinh/tháng
6	Tiền thưởng	
	- Chi khen thưởng cho CB, GV, NV học kỳ, cuối năm: +Xuất sắc: + Tốt: + HTNV:	Không quá 300.000đ/người Không quá 200.000đ/người Không quá 100.000đ/người
	Chi khen thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024	

	Chi thưởng định kì + HTXSNNV: + HTTNV: + HTNV	- Số tiền bằng 3,0 lần mức tiền thưởng định kỳ cơ sở - Số tiền bằng 2,4 lần mức tiền thưởng định kỳ cơ sở - Số tiền bằng 1,0 lần mức tiền thưởng định kỳ cơ sở.
	Chi thưởng đột xuất	Thưởng số tiền không quá 03 lần mức lương cơ sở/người/01 lần thưởng
	- Chi khen thưởng hội thi “Bé yêu làn điệu dân ca”.	Không quá: 400.000đ/giải
	- Chi khen thưởng hội thi GVG cấp trường, tỉnh: Cấp trường, tỉnh - Phôi liệu đồ dùng phục vụ hội thi	Không quá 500.000đ/người/giải Theo phát sinh thực tế
	- Chi thưởng giáo viên thi TĐTT	- Cụm không quá: 100.000đ/ngày - Tỉnh không quá: 300.000đ/ngày
	- Chi cho ban tổ chức, Ban giám khảo hội thi	- Không quá 150.000đ/người/ lần
7	Phúc lợi tập thể	
	- Chi tết nguyên đán: LĐ trong chỉ tiêu biên chế, hợp đồng theo nghị định 111. - LĐ hợp đồng trường(LĐ khoán việc)	Không quá 3.000.000đ/người/ngày Không quá 500.000đ/người/ngày
	- Chi Tết dương lịch: LĐ trong chỉ tiêu biên chế, hợp đồng theo nghị định 111.	Không quá 1.000.000đ/người/ngày
	- Chi 30/4 và 1/5; 2/9: LĐ trong chỉ tiêu biên chế, hợp đồng theo nghị định 111.	Không quá 500.000đ/người/ngày
	- Chi 20/11: LĐ trong chỉ tiêu biên chế, hợp đồng theo nghị định 111.	Không quá 1.000.000đ/người/ngày
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	

	- Tiền điện, nước sạch, nước uống	Thanh toán theo hóa đơn
	-Chi phun thuốc diệt muỗi, côn trùng...	Không quá 6.000đ/m2
	- Cáng y tế	Không quá 800.000đ/tháng/khu
	- Cân đo điện tử	Không quá 3.000.000đ/tháng/khu
9	Vật tư văn phòng	
	- Văn phòng phẩm (Giấy in, cặp 3 dây, bìa, bóng kính, túi cóc, bút, ghim các loại...)	Theo thực tế phát sinh
	- Dụng cụ VP: Cờ, khăn trải bàn, băng zôn,dao, kéo, xà phòng, nước rửa chén, chổi quét nhà, chổi quét nước, xô, chậu, kim, khóa, khăn lau tay, ấm, chén ,phích, bình đựng nước thủy tinh, cốc thủy tinh, cờ chuối, cờ tổ quốc, hoa để bàn, bảng biểu văn phòng, bình lọc nước, cốc, chén ...	Theo thực tế phát sinh
	-Vật tư văn phòng khác:	Theo thực tế phát sinh
	- Mua bổ sung đồ dùng cho phòng giáo dục thể chất.	Theo thực tế phát sinh
	- Mua đồ trang trí khu trải nghiệm chong chóng, đèn lồng Hội An.... trang trí 03 điểm trường.	Theo thực tế phát sinh
10	Thông tin tuyên truyền liên lạc	
	- Điện thoại	Thanh toán theo thực tế
	- Cước Internet	Thanh toán theo thực tế
	- Báo chí, tập san, tạp chí	Thanh toán theo thực tế
	-Lắp công mạng Wifi cho phòng chức năng, các lớp	Thanh toán theo hóa đơn
	Phí gia hạn công thông tin điện tử	2.000.000đ/năm
	Tuyển sinh đầu cấp	2.160.000đ/năm
	Dịch vụ chữ ký số chuyển nhận văn bản	4.263.000đ/năm
	Chữ ký số Smart cho giáo viên	54.000đ/giáo viên

	Quản lý nhà trường Vnedu	5.400.000đ/năm
	Hóa đơn điện tử: 3.000 số	3.900.000đ/3.000 số
	Phí gia hạn chữ ký số dịch vụ công kho bạc	5.850.000đ/năm
	Phí gia hạn phần mềm BHXH	2.248.000đ/năm
11	Chế độ công tác phí	Theo NQ số 21/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh
	- Chi tiền phụ cấp công tác phí cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đi tập huấn, đi chuyên đề, đi công tác ngoài huyện.	3.000 đồng/km/người/lượt
	- Khoản công tác phí	- Hiệu trưởng, kế toán: 700.000đ/tháng - Phó hiệu trưởng: 500.000đ/tháng
	- Mức chi phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác dưới 40km(Tính từ cơ quan làm việc đến nơi được cử đi công tác)	Theo NQ số 03/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh 200.000đ/ngày
	- Mức chi phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác trên 40km(Tính từ cơ quan làm việc đến nơi được cử đi công tác)	Theo NQ số 03/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh 300.000đ/ngày
12	Chi phí thuê mướn	
	- Thuê bảo vệ trường, quét dọn vệ sinh sân trường.	Không quá 3.700.000đ/tháng/khu
	- Chi tiền thuê nhân viên nuôi	Từ 6.000.000đ/người/ tháng trở lên
	- Chi trả thu gom rác thải...	Không quá 800.000đ/tháng/khu
	-Thuê cắt tỉa cây bóng mát, cây xanh, cây hoa, cây cảnh, đốn cây to tránh bão gió....	Không quá 5.000.000đ/năm/khu
	- Hút bể phốt	Không quá 500.000đ/khối
	- Chi giặt chăn đông, chăn hè	Theo phát sinh thực tế
	- Chi quét vôi ve	Theo phát sinh thực tế
13	Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác CM	

	- Chi sửa chữa máy tính, máy in, máy chiếu	Theo phát sinh thực tế
	- Chi sửa chữa, duy tu hệ thống điện, nước	Theo phát sinh thực tế
	-Sửa chữa bảo dưỡng điều hòa, tivi	Theo phát sinh thực tế
	-Sửa chữa bàn ghế, tủ, phản ngủ....	Theo phát sinh thực tế
	- Sửa đồ chơi ngoài trời, các loại tủ cho nhà bếp...	Theo phát sinh thực tế
	- Chi sửa CSVC: ốp lát gạch phòng dộp, nâng cao sân khấu ngoài trời	Theo phát sinh thực tế
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi mua mực in	Không quá 130.000đ/lọ
	-Phô tô, in ấn	Không quá 750.000đ/tháng
	- Mua phần mềm diệt virus	Không quá 350.000đ/phần mềm
	- Chi mua phôi liệu trang trí lớp	Không quá 3.000.000đ/lớp/năm
	Chi tổ chức chuyên đề: GV dạy: Phôi liệu đồ dùng tiết dạy	Không quá 300.000đ/tiết Theo phát sinh thực tế
	-Chi mua trang thiết bị phục vụ công tác CM: Đồ chơi ngoài trời, khu trải nghiệm, đồ chơi phương tiện giao thông...	Theo hóa đơn thực tế
	- Chi mua hồ sơ, sổ sách chuyên môn:	Theo phát sinh thực tế
	-Hợp đồng do thiếu GV, NV	Không quá mức lương cơ sở tối thiểu vùng
	- Chi phí thẩm định giá, tư vấn thầu	Theo phát sinh thực tế
	- Vẽ tranh tường	Không quá: 270.000đ/m ²
	-Chi mua cây hoa, cây cảnh	Không quá 5.000.000đ/năm/khu
	- Làm bạt cuốn chống nắng	Không quá 270.000đ/m ²
	-Mua thảm cỏ nhân tạo	Không quá: 250.000đ/m ²

-Mua tủ đựng chăn màn chiếu	Không quá 6.000.000đ/chiếc
-Mua tủ tư trang 15 ô bằng thép	Không quá 6.500.000đ/chiếc
-Mua tủ tư trang 20 hoặc 24 ô bằng sắt	Không quá 6.000.000đ/chiếc
-Mua giá để giày dép 5 tầng	Không quá 930.000đ/chiếc
-Mua ti vi màn hình phẳng kết nối Internet	Không quá: 20.000.000đ/chiếc
-Mua đồ dùng thiết bị dạy học các nhóm lớp theo danh mục thiết bị quy định(Thông tư số 01/VBHN/TT-BGDĐT ban hành ngày 23/3/2015)	Theo thực tế phát sinh
- Mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng cấp học mầm non theo QĐ 652/QĐ-SGDĐT ngày 27/9/2022.	Thanh toán theo thực tế
-Bình chữa cháy CO2	Không quá: 700.000đ/chiếc
- Làm bảng biểu tuyên truyền, bảng các nhóm lớp, các khu bếp...	Không quá 300.000đ/m2
- Chi mua bánh kẹo cho trẻ (khai giảng, trung thu, tết nguyên đán, tổng kết ,01/6, hội thi....)	Không quá 20.000đ/cháu/ngày
-Chi mua bàn, ghế học sinh (1 bàn 2 ghế)	Không quá 700.000đ/bộ
-Mua chiếu cho các nhóm, lớp	Không quá 170.000đ/chiếc
-Chi mua chăn siêu nhẹ	Không quá 700.000đ/chiếc
-Mua thùng đựng rác ngoài sân, bếp	Không quá 1.600.000đ/chiếc
-Mua đồ dùng, dụng cụ, thiết bị y tế phục vụ công tác y tế trường học	Theo thực tế
- Mua bàn làm việc	Không quá 7.000.000đ/chiếc
- Thuê loa đài, máy phát điện, phòng rạp phục vụ ngày lễ (khai giảng, tết nguyên đán, tổng kết, 01/6, trung thu, hội thi trẻ...)	Thanh toán theo thực tế
- Chi thuê trang phục biểu diễn cho cô, cháu ngày lễ (Tổng kết, khai giảng, tết nguyên đán, 01/6, trung thu, hội thi trẻ...)	Thanh toán theo thực tế

	- Chi sửa chữa máy tính, máy in, máy chiếu	Theo phát sinh thực tế
	- Chi sửa chữa, duy tu hệ thống điện, nước	Theo phát sinh thực tế
	-Sửa chữa bảo dưỡng điều hòa, tivi	Theo phát sinh thực tế
	-Sửa chữa bàn ghế, tủ, phản ngủ....	Theo phát sinh thực tế
	- Sửa đồ chơi ngoài trời, các loại tủ cho nhà bếp...	Theo phát sinh thực tế
	- Chi sửa CSVC: ốp lát gạch phòng dộp, nâng cao sân khấu ngoài trời	Theo phát sinh thực tế
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi mua mực in	Không quá 130.000đ/lọ
	-Phô tô, in ấn	Không quá 750.000đ/tháng
	- Mua phần mềm diệt virus	Không quá 350.000đ/phần mềm
	- Chi mua phôi liệu trang trí lớp	Không quá 3.000.000đ/lớp/năm
	Chi tổ chức chuyên đề: GV dạy: Phôi liệu đồ dùng tiết dạy	Không quá 300.000đ/tiết Theo phát sinh thực tế
	-Chi mua trang thiết bị phục vụ công tác CM: Đồ chơi ngoài trời, khu trải nghiệm, đồ chơi phương tiện giao thông...	Theo hóa đơn thực tế
	- Chi mua hồ sơ, sổ sách chuyên môn:	Theo phát sinh thực tế
	-Hợp đồng do thiếu GV, NV	Không quá mức lương cơ sở tối thiểu vùng
	- Chi phí thẩm định giá, tư vấn thầu	Theo phát sinh thực tế
	- Vẽ tranh tường	Không quá: 270.000đ/m ²
	-Chi mua cây hoa, cây cảnh	Không quá 5.000.000đ/năm/khu
	- Làm bạt cuốn chống nắng	Không quá 270.000đ/m ²
	-Mua thảm cỏ nhân tạo	Không quá: 250.000đ/m ²

	- Chi trang trí khánh tiết ngày lễ, hội thi các hoạt động trải nghiệm của trẻ	Thanh toán theo thực tế
	- Mua sắm đồ dùng dụng cụ nuôi dưỡng	Theo phát sinh thực tế
	- Mua sắm đồ dùng dụng cụ vệ sinh trường lớp, khu	Theo phát sinh thực tế
15	Chi khác	
	- Chi mua sắm Tết nguyên đán: Cây đào, cây quất tại 03 điểm trường.	Không quá 6.000.000đ/ Khu / năm
	Chi tiếp khách : + Mức chi nước giải khát: + Mức chi mời cơm	<i>Thực hiện theo Nghị quyết số 21/2019 của HĐND tỉnh Ninh Bình</i> Không quá 30.000đ/buổi/ người. Không quá 300.000đ/suất (đã bao gồm đồ uống).
	- Trực bảo, trực tết	Không quá 200.000đ/người
	- Chi mua dụng cụ phòng chống bão	Không quá 1.000.000đ/lần/khu
	- Chi cho CB, GV, NV đi tham gia các lớp học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đi thăm quan học tập.	Thanh toán theo thực tế
	- Chi hỗ trợ học phí, kinh phí đi học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên do cấp trên triệu tập	Thanh toán theo thực tế
	- CKS qua đường truyền, hóa đơn học phí, hóa đơn các khoản thu dịch vụ ...	Theo hóa đơn thực tế
	- Phí gia hạn PM QLTS	3.000.000đ/năm
	- Phí gia hạn phần mềm kế toán	6.000.000đ/năm
	- Gia hạn PM QLTH.VN khoản thu	2.000.000đ/năm
	- Chi phần mềm nuôi dưỡng	2.500.000đ/năm
	- Kiểm định chất lượng giáo dục (QoE)	2.706.000đ/năm
	- Phần mềm VNPT IoJjice cho khối giáo dục	1.525.000đ/năm
	- Mua máy tính xách tay	Không quá 20.000.000đ/chiếc
	- Mua máy tính bàn	Không quá 15.000.000đ/bộ

	- Mua tủ lạnh	Không quá 10.000.000đ/chiếc
	- Mua điều hòa	Không quá 15.000.000đ/chiếc
	- Mua máy in màu 1 mặt:	Không quá 5.000.000đ/chiếc
	- Mua máy in 1 mặt:	Không quá 5.000.000đ/chiếc
	- Thảm trải sàn(Thảm xốp)	Không quá 50.000đ/Tấm
	- Tủ đựng đồ chơi	Không quá 1.550.000đ/Chiếc
	- Giá để đồ chơi và học liệu	Không quá 1.290.000đ/Cái
	- Xe đạp chân	Không quá 6.000.000đ/Bộ
	- Ô tô đạp chân Teddy	Không quá 5.000.000đ/ Bộ
	- Bập bênh con voi	Không quá 1.990.000đ/Chiếc
	- Bập bênh đôi con cua	Không quá 2.790.000đ/Chiếc
	- Máy say cua	Không quá 2.500.000đ/Chiếc
	- Máy đo huyết áp	Không quá 1.390.000đ/1 chiếc
	- Máy đo SP02	Không quá 4.150,000/1 chiếc
	- Cầu thang bằng dao động	Không quá 11,760,000/1trọng
	- Tủ sấy bát inox 2 lớp	Không quá 19,980,000/1chiếc
	- Tủ đựng hồ sơ	Không quá 5.590,000/1chiếc
	- Bếp ga đôi	Không quá 10,500.000/1bộ
	- In phun bọt	Không quá 120.000/1 m ²
	- Xích đu sàn lắc	Không quá 25.000.000đ/chiếc
	- Cầu trượt đôi	Không quá 10.000.000đ/chiếc
	- Thùng đựng gạo bằng Inocx	Không quá 7.690.000đ/Chiếc
16	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD (Tiền ăn bán trú, tiền thuê nhân viên nuôi dưỡng, ...)	Thực hiện theo quy định tại NQ số 30/2025/NQ-HĐND ngày 9/12/2025 quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình. Và CV số

		37/SGDDĐT-TC, ngày 08/01/2026 hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.
--	--	--

Điều 5: Xử phạt các vi phạm, do chi sai, vượt chế độ, định mức cho phép

- Căn cứ vào Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia.
- Thông tư số 87/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KBNN.

Khi có hành vi chi sai vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức đơn vị áp dụng các hành thức xử phạt như sau:

- Yêu cầu nộp trả hoặc tự chi trả phần chi sai, vượt định mức.
- Phạt cảnh cáo nếu lần đầu vi phạm. Nếu vi phạm nhiều lần thì lập biên bản xử phạt hành chính, áp dụng mức xử phạt từ 50.000 đ đến 1.000.000đ (tùy mức độ sai phạm) đối với các nhân sai phạm.

Điều 6: Tổ chức thực hiện

- Hiệu trưởng và tổ trưởng các tổ, bộ phận trong trường tổ chức quán triệt Quy chế này cho mọi cán bộ, viên chức của cơ quan.
- Phó hiệu trưởng, kế toán có trách nhiệm cùng hiệu trưởng trong việc chỉ đạo đơn vị và các cá nhân có liên quan thực hiện. Quy chế này được phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Các phòng, tổ chuyên môn có trách nhiệm triển khai và thực hiện với tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí nhằm tăng thu nhập cho viên chức và người lao động.
- Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những nội dung chi chưa được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ này thì lãnh đạo trường được quyền quyết định trên cơ sở các qui định hiện hành của Nhà nước.
- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 đã thông qua và được sự nhất trí của toàn thể VC, NLD . Tất cả công chức, viên chức, người lao động của Trường Mầm non Yên Mạc có trách nhiệm thực hiện quy chế này./.

Nơi nhận:

- Phòng kinh tế
- KBNN Khu vực V - PGD số 2 ;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Liên